

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **59/2023/HNGĐ-ST**

Ngày **28/8/2023**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Động**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Khoe**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đình** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn P** - sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị H** - sinh năm 1980 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh Phạm Văn P trình bày:**

Anh Phạm Văn P và chị Trần Thị H tự tìm hiểu quen biết nhau khoảng 02 năm sau đó tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, do đi làm nên vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, từ đó vợ

chồng ít nói chuyện trao đổi với nhau, đến tháng 3/2022 thì chị H bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh, anh P có lên thành phố kêu về nhưng không được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Thấy tiếp tục chung sống với chị H không hạnh phúc nên anh P làm đơn ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung:

1. Phạm Chí C , sinh ngày 25/02/2004 (đã trưởng thành)
2. Phạm Gia Đ , sinh ngày 29/10/2007. Hiện cháu Đ đang ở với anh P .

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh P yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Cháu Phạm Chí C đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P yêu cầu được nuôi cháu Phạm Gia Đ , không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án có triệu tập chị Trần Thị H để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng chị Trần Thị H vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Phạm Văn P và chị Trần Thị H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Gia Đ , sinh ngày 29/10/2007 cho anh Phạm Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H có địa chỉ và hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị H vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt chị Trần Thị H.

Xét thấy chị H chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh P tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị H vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do anh P và chị H có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nay anh P có yêu cầu ly hôn với chị Hằng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa anh P và chị H là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Anh P và chị H chung sống có hai người con Phạm Chí C, sinh ngày 25/02/2004 (đã trưởng thành) và Phạm Gia Đ, sinh ngày 29/10/2007. Anh P yêu cầu được nuôi cháu Gia Đ, hiện Gia Đ đang ở với anh P.

Xét thấy, cháu Gia Đ hiện đang sống với anh P , và nguyện vọng của cháu là muốn ở với anh P , cháu Gia Đ được anh P nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt. Hội đồng xét xử thống nhất giao cho anh P tiếp tục nuôi con là phù hợp, anh P có khả năng nuôi con nên không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trường hợp chị H cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Phạm Văn P và chị Trần Thị H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn P tiếp tục nuôi người con tên Phạm Gia Đ , sinh ngày 29/10/2007. Anh Phạm Văn P không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Trần Thị H tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Phạm Văn P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002377 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến